

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 667/2020/DS-PT

Ngày: 16/7/2020

V/v: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Đắc Phú

Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 6, ngày 13, 16 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2189/QĐ-PT ngày 04 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5601/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Minh H, sinh năm: 1968. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 168 Tr, phường Nguyễn Cư Tr, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Hữu T- Văn phòng Luật sư Đại Hồ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1951. *(vắng mặt)*

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1952. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số 29/11B Trần Thái T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1969. *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số 20A Ph, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền lập ngày 07/10/2017, số công chứng 039686, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hùng L, sinh năm: 1960. *(có đơn xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 2, Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn: Do có mối quan hệ thân quen nên trong khoảng thời gian từ ngày 20/8/2007 đến ngày 05/12/2007, bà HĐoàn Minh H có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị Thvay số tiền là 12.100.000.000 (*mười hai tỷ một trăm triệu*) đồng thông qua các biên nhận:

- Ngày 20/8/2007 vay 700.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau trả.
- Ngày 25/8/2007 vay 250.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau trả.
- Ngày 01/9/2007 vay 200.000.000 đồng, không ghi ngày trả.
- Ngày 02/9/2007 vay 200.000.000 đồng, hẹn 15 ngày sau trả.
- Ngày 08/9/2007 vay 1.700.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sau sẽ trả.
- Ngày 10/9/2007 vay 1.350.000.000 đồng, không ghi ngày trả.
- Ngày 12/9/2007 ghi mượn 500.000.000 đồng, không ghi ngày trả.
- Ngày 22/9/2007 vay 600.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sau trả.
- Ngày 01/10/2007 vay 600.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sau trả.
- Ngày 04/10/2007 ghi mượn 1.700.000.000 đồng, hẹn 01 tuần sau trả.
- Ngày 08/11/2007 ghi mượn 1.800.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sau trả.
- Ngày 03/12/2007 ghi mượn 1.000.000.000 đồng, không ghi ngày trả.
- Ngày 05/12/2007 ghi mượn 1.500.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sau trả.

Tất cả các khoản vay trên các bên có thỏa thuận miệng lãi suất dao động khoảng 0,25% ngày. Theo các biên nhận trả tiền, bị đơn đã trả được số nợ gốc là 9.050.000.000 đồng, cụ thể :

- Ngày 09/10/2007 trả 700.000.000 đồng,
- Ngày 19/10/2007 trả: 1.650.000.000 đồng,
- Ngày 02/11/2007 trả: 1.700.000.000 đồng,
- Ngày 15/11/2007 trả: 3.200.000.000 đồng,
- Ngày 29/01/2008 trả 200.000.000 đồng,
- Ngày 06/02/2008 trả: 800.000.000 đồng,
- Ngày 04/7/2008 trả 300.000.000 đồng,
- Ngày 08/11/2008 trả 500.000.000 đồng,

Và trả tiền lãi là : 1.300.000.000 đồng, cụ thể : ngày 05/01/2008 trả 800.000.000 đồng, ngày 31/12/2008 trả 500.000.000 đồng.

Trong quá trình vay mượn, đến ngày 31/12/2008 là ngày bị đơn trả nợ cuối cùng và không thanh toán tiếp dù đã được nhiều lần nhắc nhở nên ngày 09/12/2010 bà H đã yêu cầu

Văn phòng thừa phát lại quận Tân Bình lập vi bằng về việc giao cho bị đơn thư đòi nợ trả số tiền còn thiếu nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Nay, bà Hyêu cầu ông H và bà Thtra ngay số tiền gốc là 3.050.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đối với từng khoản vay cho đến ngày xét xử với lãi suất trong hạn và quá hạn là 9 %/năm.

Trong 13 khoản tiền đã trả thì chỉ có 02 khoản tiền 500.000.000 đồng trả vào ngày 31/12/2008 và 800.000.000 đồng trả ngày 05/01/2008 là tiền trả lãi, các khoản còn lại là trả gốc và sẽ được trừ vào các khoản vay gốc theo thứ tự ngày vay trước sau. Đối với số tiền 3.000USD bị đơn trả vào ngày 09/10/2007 thì bà Hà đồng ý trừ vào số tiền gốc theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm trả tương đương 48.240.000 đồng (16.080 đồng/USD). Đối với những yêu cầu khác bà Hà vẫn giữ nguyên.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Ngọc L người là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận có vay nguyên đơn số tiền gốc là 12.100.000.000 (mười hai tỷ một trăm triệu) đồng theo đúng 13 giấy nợ như nguyên đơn đã trình bày.

Theo tờ giấy Bà Nguyễn Thị Th “nộp ngày 18/4/2017 bản scan giấy giao nhận tiền giữa cô Nguyễn Thị Thvà Đoàn Minh H. Bảng ghi này do Đoàn Minh Hghi” thể hiện việc vay tiền và trả tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, căn cứ vào giấy này thì bị đơn đã trả được tiền gốc là 11.750.000.000 đồng, cụ thể như sau :

- Ngày 09/10/2007 trả : 700.000.000 đồng,
- Ngày 14/10/2007 trả : 200.000.000 đồng,
- Ngày 17/10/2007 trả : 200.000.000 đồng,
- Ngày 19/10/2007 trả : 1.650.000.000 đồng,
- Ngày 02/11/2007 trả : 1.700.000.000 đồng,
- Ngày 15/11/2007 trả : 3.200.000.000 đồng,
- Ngày 05/01/2008 trả : 800.000.000 đồng,
- Ngày 16/01/2008 trả : 1.000.000.000 đồng,
- Ngày 29/01/2008 trả : 200.000.000 đồng,
- Ngày 06/02/2008 trả : 800.000.000 đồng,
- Ngày 04/7/2008 trả : 300.000.000 đồng,
- Ngày 08/11/2008 trả : 500.000.000 đồng,
- Ngày 31/12/2008 trả : 500.000.000 đồng,

Đối với khoản tiền lãi thì nguyên đơn thu lãi của bị đơn theo từng đợt tính trên mỗi khoản vay riêng theo mức lãi suất từ 0,27% - 0,35%/ngày, tương đương 8,1% - 10,5%/tháng với tổng số tiền lãi đã trả là khoảng 2.222.235.389 đồng nhưng do là chỗ quen biết nên việc đóng lãi này chỉ ghi chú vào giấy nợ do nguyên đơn giữ, bị đơn không giữ tài liệu, chứng cứ gì.

Nay, bà Hà khởi kiện bị đơn không đồng ý vì chỉ còn thiếu số tiền gốc là 350.000.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền này cũng như trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 09/1/2011 cho đến nay sau khi Tòa xem xét và tính lại phần lãi bị đơn đã trả.

Ngoài ra, bị đơn còn trả được 48.240.000 đồng được quy đổi từ số tiền 3.000USD mà nguyên đơn thừa nhận trả vào ngày 09/10/2007, như vậy hiện bị đơn chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 301.760.000 đồng.

Đối với tiền lãi: Bị đơn trả lãi riêng cho nguyên đơn theo từng khoản vay, số tiền lãi phải trả được thể hiện ở góc trái của mỗi biên nhận vay tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn xác định số tiền lãi đã trả là 2.200.000.000 đồng, khoản tiền lãi đã trả này là vượt quá cao so với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tính lại. Tới thời điểm này, ngoài những chứng cứ đã nộp và có trong hồ sơ vụ án, bị đơn không còn chứng cứ nào khác. Đối với số tiền gốc còn thiếu là 301.760.000 đồng, bị đơn đồng ý trả một lần sau khi được căn trừ vào số tiền lãi bị đơn đã trả dư. Do bị đơn chỉ còn nợ số tiền nhỏ, có thể thi hành nên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hùng L trình bày: Ngày 15/11/2007, ông có nhận của bà Thsố tiền 2.000.000.000 đồng và số tiền 800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/01/2008 để trả cho bà Hà. Bà Hà cũng xác nhận đã nhận đủ số tiền này. Các bên đương sự không có tranh chấp gì về phần tiền của ông Liên nhận. Ông Liên đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/ ST-DS ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân quận Tân Bình đã tuyên:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 161, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 151, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Đoàn Minh H.

1.1 Buộc Ông Nguyễn Hoàng H và Bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho Bà Đoàn Minh H số tiền 4.239.978.697 đồng (Bốn tỷ hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng) gồm, tiền gốc: 2.114.702.592 đồng (Hai tỷ một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi hai đồng), tiền lãi 2.125.276.105 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm lẻ năm đồng)

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3 Bị đơn chịu chi phí giám định số tiền 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bị đơn đã nộp đủ số tiền này.

1.4 Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.239.979 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi chín đồng)

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.696.152 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn một trăm năm mươi hai đồng) và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.092.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai số 037145 ngày 09/7/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn được nhận lại 44.395.848 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 23/3/2020 bị đơn kháng cáo bản án số 57/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc L đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày kháng cáo: Xác định số tiền gốc còn nợ 301.760.000 đồng, tiền lãi đã trả 2.222.235.389 đồng, yêu cầu xem xét lại đối với phần tiền lãi này, hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Bà Đoàn Minh H và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà Hà không đồng ý, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí, do bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bị đơn. Giữ y các phần khác còn lại của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

-Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, căn cứ theo Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

-Các đương sự có mặt, đương sự vắng mặt đã có đơn xin vắng nên vụ án xét xử theo quy định tại Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày kháng cáo: Số tiền gốc hiện còn nợ nguyên đơn là 301.760.000 đồng, tiền lãi đã trả 2.222.235.389 đồng và đề nghị xem xét theo qui định của pháp luật để được trừ vốn, hủy quyết định áp

dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Nguyên đơn bà Hà và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà Hà không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu bị đơn xuất trình chứng cứ chứng minh việc trả số tiền còn lại, đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đến khi bà Thái, ông H trả xong số tiền nợ trên.

[2.2].*Xét yêu cầu kháng cáo:*

Qua lời trình bày của các đương sự đối chiếu chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, các tờ giấy vay tiền giữa bà Hà với vợ chồng bà Thái, ông H được các bên thừa nhận nên việc vay tiền là thật, các bên đều thống nhất số tiền vốn gốc là 12.100.000.000 đồng(*mười hai tỷ một trăm triệu đồng*). Trong 13 tờ giấy vay nợ, trong đó 09 tờ giấy thể hiện vay có kỳ hạn và 04 tờ giấy vay không kỳ hạn.

-Ông Nguyễn Ngọc Lâm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, đối tiền vốn bị đơn đã trả được là 11.750.000.000 đồng và 48.240.000 đồng (quy đổi từ 3.000 USD), như vậy tổng cộng đã trả được 11.798.240.000 đồng, chỉ còn nợ lại 301.760.000 đồng. Đối với số tiền lãi bị đơn đã trả được 2.222.235.389 đồng, số tiền lãi này yêu cầu xem xét theo qui định pháp luật và cần trừ tiếp vào phần vốn gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc còn tương đối nhỏ, bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn, do đó yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã ban hành.

-Nguyên đơn bà Hà xác định tổng số tiền gốc bà Thái, ông H đã trả được là 9.050.000.000 đồng (*chín tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*), có biên nhận. Ngoài ra, ngày 09/10/2007 bị đơn có trả được 3.000 USD được quy đổi thành tiền Việt là 48.240.000 đồng và được cấp sơ thẩm trừ vào vốn. Ngoài số tiền này thì bị đơn không còn trả khoản tiền vốn nào khác. Đề nghị bị đơn xuất trình chứng cứ chứng minh số tiền vốn mà bị đơn cho rằng trả thêm. Bà Hà đồng ý số tiền gốc mà bị đơn hiện còn nợ là 2.114.702.592 (*Hai tỷ một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi hai*) đồng và tiền lãi 2.125.276.105 đồng (*Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm lẻ năm đồng*) như bản án đã tuyên vì bà nhận thấy cấp sơ thẩm đã tính đúng qui định pháp luật. Do số tiền còn nợ quá lớn nên bà yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

-Đối với phần tiền vốn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời thừa nhận của bà Hà về số tiền bị đơn đã trả được 9.050.000.000 đồng và 3.000 USD (quy đổi thành 48.240.000 VN đồng đã được cấp sơ thẩm trừ vào vốn gốc), thì phía bị đơn không xuất trình chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền đã trả và chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, mà bên bị đơn chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại tờ giấy tại bút lục số 31-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- của Bà Nguyễn Thị Th “nộp ngày 18/4/2017 bản scan giấy giao nhận tiền giữa cô Nguyễn Thị Th và Đoàn Minh H. Bảng ghi này do Đoàn Minh Hghi”.

Tuy nhiên xét thấy, chứng cứ này đã được thực hiện giám định toàn bộ nội dung đã 03 lần tại cấp sơ thẩm. Trong đó, tại kết luận giám định số 45/C54-P5 ngày 28/3/2018 của Tổng cục cảnh sát Viện khoa học hình sự kết luận: “5.1. Các chữ “Hà đưa Thái”, “Thái đưa Hà” và chữ viết bằng mực màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Bà Đoàn Minh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không phải do cùng một người viết ra. 5.2. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu a (Trừ chữ viết đã kết luận ở mục 5.1) so với chữ viết của Bà Đoàn Minh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người viết ra hay không”.

Tại kết luận giám định số 3316/C09B ngày 10/9/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: “Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Hà đưa Thái... Viết giấy Hà” (ký hiệu A) so với chữ viết của Bà Đoàn Minh H trên 08 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 có phải do cùng một người viết ra hay không”. Tòa án Tân Bình đã thu thêm mẫu chữ viết của Bà Đoàn Minh H trên tài liệu có thời gian gần với thời gian xảy ra sự việc và chữ viết thực nghiệm có nội dung giống với chữ viết cần giám định (10 bản) theo yêu cầu để giám định lại.

Tại kết luận giám định số 4679/C09B ngày 05/12/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “1. Chữ viết “Hà đưa Thái”, “Thái đưa Hà”, “Viết giấy Hà”, “Đưa gần Tết”, “Viết bên giấy Hà” trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Hà đưa Thái...17/10/07 200T Viết giấy Hà” (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Đoàn Minh H (M.Hà; Minh Hà) trên 13 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M13 là không phải do cùng một người viết ra. 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ số trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Hà đưa Thái...17/10/07 200T Viết giấy Hà” (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Đoàn Minh H (M.Hà; Minh Hà) trên 13 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M13 có phải do cùng một người viết ra hay không”.

Như vậy, qua 03 (ba) lần giám định của hai cơ quan khác nhau, trong 03 (ba) kết luận giám định trong đó có hai kết luận là không phải cùng một người viết ra. Căn cứ vào qui định pháp luật, việc giám định lại chỉ khi trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu là không chính xác.

Phía bị đơn đề nghị giám định lại nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở để chấp nhận. Đồng thời qua hai phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được bản chính tài liệu cần giám định lại là bút lục số 31-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh-của Bà Nguyễn Thị Th “nộp ngày 18/4/2017 bản scan giấy giao nhận tiền giữa cô Nguyễn Thị Th và Đoàn Minh H. Bảng ghi này do Đoàn Minh H ghi”, kể cả tài liệu mẫu so sánh, nhằm để đối chiếu có khác với những tài liệu so sánh của các lần giám định trước hay không. Ngoài ra nguyên đơn không đồng ý việc giám định lại và cũng không thừa nhận nội dung giao tiền và trả tiền giữa hai bên trong giấy này. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã không chấp nhận đề nghị giám định lại của bị đơn.

Ngoài những trình bày trên, bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh chỉ còn nợ lại số tiền vốn là 301.760.000 đồng, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với phần tiền lãi:

Các bên thừa nhận ngày vay từ ngày 20/8/2007 đến ngày 05/12/2007, các lần vay đều có lãi, nhưng không thống nhất được mức lãi suất vay và tranh chấp về tiền lãi. Trong tổng số 13 lần vay, có 09 lần vay có kỳ hạn và 04 lần vay không kỳ hạn. Như vậy, đối với 09 lần vay có kỳ hạn thì căn cứ theo khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố” và căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “trả lãi trên nợ gốc và lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Đối với 04 lần vay không kỳ hạn, theo Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”. Theo vi bằng lập ngày 09/12/2010 của Văn phòng thừa phát lại quận Tân Bình lập và thư đòi nợ ngày 09/12/2010 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ còn thiếu trước ngày 09/01/2011 do đó lãi trong hạn được tính kể từ ngày vay đến ngày

08/01/2011 và lãi quá hạn tính từ ngày 09/01/2011 đến ngày xét xử. Cấp sơ thẩm xác định mốc tính lãi này là đúng theo qui định.

Do các bên đương sự đều thừa nhận tất cả các khoản vay đều có lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất nên căn cứ theo khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Căn cứ theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm nên lãi suất trong hạn và quá hạn là 9%/năm.

Xem xét lại toàn bộ số liệu mà cấp sơ thẩm đã tính: về áp dụng mức lãi suất, thời gian tính lãi và cách tính lãi cũng như số tiền vốn và số tiền lãi thì căn cứ vào bảng tính lãi cấp sơ thẩm đã tính chi tiết, cụ thể và áp dụng đúng theo qui định. Vì vậy, số tiền lãi mà cấp sơ thẩm đã tính là 2.125.276.105 đồng (*Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm lẻ năm đồng*) là chính xác. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần tiền lãi.

-Bị đơn còn yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên căn cứ vào số tiền mà bị đơn còn nợ thì cần tiếp tục duy trì Quyết định này cho đến khi ông H, bà Thái thanh toán hết số nợ cho bà Hà.

[3]. *Án phí:*

Án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn có đơn yêu cầu được miễn toàn bộ tiền án phí do là người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án nên chấp nhận yêu cầu miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H, bà Thái. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét nên sửa án sơ thẩm về phần án phí.

-Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.696.152 đồng (*Mười một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn một trăm năm mươi hai đồng*) và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.092.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai số 037145 ngày 09/7/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn được nhận lại 44.395.848 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng).

Án phí Dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì vậy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 313,148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 151, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

-Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hoàng Huy, bà Nguyễn Thị Thái.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đoàn Minh H.

- Buộc ông Huy, bà Tháo trách nhiệm trả cho bà Hà số tiền 4.239.978.697 đồng (*Bốn tỷ hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng*), gồm: tiền gốc là 2.114.702.592 đồng (*Hai tỷ một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn năm trăm chín mươi hai đồng*), tiền lãi là 2.125.276.105 đồng (*Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm lẻ năm đồng*).

Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bị đơn chịu chi phí giám định số tiền 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Bị đơn đã nộp đủ số tiền này.

2.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bà Thái, ông H thực hiện trả xong số tiền cho bà Hà.

3. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.696.152 đồng (*Mười một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn một trăm năm mươi hai đồng*) và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.092.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai số 037145 ngày 09/7/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn được nhận lại 44.395.848 đồng (*Bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng*).

- Bị đơn ông H, bà Thái được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông H, bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Thái, ông H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0016122 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim

